

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

Phụ lục 3

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Danh mục dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND xã Trà Giang)

ĐVT Triệu đồng

[illegible]

Phụ lục 4

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Danh mục dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND xã Trà Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
									Tổng mức đầu tư	Trong đó			
										NSTW	NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG								218.463		218.463	-	
A	Đối ứng danh mục sử dụng vốn NSTW của tỉnh												Chi tiết theo PL1
B	Bố trí cho các dự án sử dụng vốn NST								218.463		218.463		
a	Lĩnh vực giao thông								149.448		149.448		
1	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn	Phòng Kinh tế	C		Thôn 7	Dài 48m; rộng 09m; đảm DU'L HL93	khẩn cấp	2026	13.500		13.500		
2	BTXM tuyến Nghĩa địa Núi bé - Gò Dúi	Thôn An Hòa Nam	C		Thôn An Hòa Nam	830m		2026	1.200		1.200		Nghĩa Thắng
3	Tuyến TL623B - Nhà Máy Gạch Phú Điền	Thôn An Hòa Nam			Thôn An Hòa Nam	850m		2026	1.100		1.100		Nghĩa Thắng
4	Đầu cầu Tà Măng - Hóc Đành	Thôn Phú Thọ 2	C		Thôn Phú Thọ 2	1280m		2026	2.100		2.100		Nghĩa Thắng
5	Xây dựng cầu Trảng Đẻ	Thôn Phú Thọ 2	C		Thôn Phú Thọ 2	15m		2027	1.500		1.500		Nghĩa thắng
6	Tuyến kênh chính Nam đi Cà Tang	Thôn An Nhơn			Thôn An Nhơn	L=9m		2026	2.500		2.500		Nghĩa Thắng
7	Xây mới cầu Cà Tang	Thôn An Nhơn	C		Thôn An Nhơn	200m		2026	3.000		3.000		Nghĩa Thắng
8	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường trung tâm xã Nghĩa Sơn(cũ)	Thôn Đá Bàn	C		Thôn Đá Bàn	400m		2026	2.240		2.240		Nghĩa Sơn
9	Nâng cấp tuyến Đồng chặt - Ruộng Trúc	Thôn Phú Thọ 1	C		Thôn Phú Thọ 1	590m		2026	955		955		Nghĩa Thắng
10	Nâng cấp tuyến Phạm Côn - đường Đèo chim hút	Thôn Phú Thọ 1	C		Thôn Phú Thọ 1	450m		2026	720		720		Nghĩa Thắng
11	Ngã 3 UBND xã Nghĩa Thọ(cũ) - Ngã 3 Đồn Bay	Thôn Phú Thọ 1	C		Thôn Phú Thọ 1	250m		2026	400		400		Nghĩa Thắng
12	Ngã 3 Trạm Y tế Nghĩa thọ (cũ) - Nhà Phạm văn Lua	Thôn Phú Thọ 2	C		Thôn Phú Thọ 2	200m		2026	312		312		Nghĩa Thắng
13	BTXM tuyến Ngã 3 Thạch Giảng - Đèo Chim Hút	Thôn An Tân	C		Thôn An Tân	300m		2026	700		700		Nghĩa Thắng
14	KCH tuyến Trạm hạ thế - Đồng đập	Thôn An Tây	C		Thôn An Tây	750m		2026	1.800		1.800		Nghĩa Thắng
15	Ngâng cấp, sửa chữa tuyến từ Cổng chào VH thôn Đá Bàn - nhà ông Nga	Thôn Đá Bàn	C		Thôn Đá Bàn	500m		2027	1.560		1.560		Nghĩa Sơn

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
									Tổng mức đầu tư	Trong đó			
										NSTW	NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
16	Mở rộng và BTXM tuyến đường từ nhà bà Pha - Nhà ông Đít	Thôn Đá Sơn	C		Thôn Đá Sơn	904m		2029					Nghĩa Sơn
17	Mở rộng và BTXM tuyến đường từ nhà ông Khui - Khu sản xuất biên phòng tỉnh	Thôn Đá Sơn	C		Thôn Đá Sơn	600m		2029					Nghĩa Sơn
18	Bê tông tuyến đường Lê Tấn Sự - Trần Ngọc Hồi	Thôn 4	C		Thôn 4	240m		2027	408		408		Nghĩa Lâm
19	Bê tông xi măng tuyến Nguyễn Đi - Hóc mua	Thôn 1	C		Thôn 1	990m		2027	1.683		1.683		Nghĩa Lâm
20	Đường Quốc Phòng - Bến Sông	Thôn An Trắng			Thôn An Trắng	507m		2026	650		650		Nghĩa Thắng
21	Đường Quốc Phòng (Nhà Nguyễn Xí Hùng) - Bến Sông	Thôn An Trắng			Thôn An Trắng	600m		2026	800		800		Nghĩa Thắng
22	Đường Cầu Đôi - Tàu Voi	Thôn An Hòa Bắc			Thôn An Hòa Bắc	550m		2026	870		870		Nghĩa Thắng
23	Tuyến BTXM UBND xã Nghĩa Thọ (cũ) - Đèo Chim Hút	Thôn Phú Thọ 1			Thôn Phú Thọ 1	500m		2026	850		850		Nghĩa Thắng
24	Ngã 4 sáu Huy đi Bàu Sen	Thôn An Lạc			Thôn An Lạc	400m		2026	600		600		Nghĩa Thắng
25	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -1	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2027	10.000		10.000		
26	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -2	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2027	10.000		10.000		
27	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -3	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2027	10.000		10.000		
28	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -4	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2027	10.000		10.000		
29	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -5	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2028	10.000		10.000		
30	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -6	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2028	10.000		10.000		
31	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -7	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm ĐƯỠ HL93		2028	10.000		10.000		

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
									Tổng mức đầu tư	Trong đó			
										NSTW	NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
32	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -8	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm DƯ'L HL93		2028	10.000		10.000		
33	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -9	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm DƯ'L HL93		2029	10.000		10.000		
34	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -10	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm DƯ'L HL93		2029	10.000		10.000		
35	Cầu qua kênh Chính Nam trên tuyến đường BTXM -11	Phòng Kinh tế				Dài 48m; rộng 09m; đảm DƯ'L HL93		2029	10.000		10.000		
b	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							2026	29.612		29.612		
1	Tu sửa lại mương bê tông thuộc kênh nhánh phía Đông đập dâng Đồng Quang	Thôn Đá Bàn	C		Thôn Đá Bàn	250m		2026					Nghĩa Sơn
2	Tu sửa lại mương bê tông thuộc kênh nhánh phía tây đập dâng Đồng Quang	Thôn Đá Bàn	C		Thôn Đá Bàn	200m		2026					Nghĩa Sơn
3	Kênh đập dâng ruộng Ngót	Thôn Phú Thọ 1	C		Thôn Phú Thọ 1	1450m		2026	1.800		1.800		Nghĩa thắng
4	Kênh đập 3/2 Đồng Chặt	Thôn Phú Thọ 2	C		Thôn Phú Thọ 2	1285m		2026	1.600		1.600		Nghĩa thắng
5	KCH Kênh Trạm bơm A2-1 (Mương Rộc bà - Rộc bắp)	Thôn 1	C		Thôn 1	1300m		2026	1.300		1.300		Nghĩa Lâm
6	Xây dựng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn, thân thiện môi trường	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công					Chăn nuôi tuần là hoạt động sản xuất không chất thải, không phế phẩm; ứng dụng kỹ thuật truyền thống và những tiến bộ khoa học để xử lý phụ phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất thành giá trị hữu ích, góp phần bảo vệ và tái sinh môi trường.	Từ năm 2026	880		880		
7	Tu sửa, nạo vét đập dâng Đồng Quang	phòng Nông nghiệp và PTNT	C		Thôn Đá Bàn	4.788	Sửa chữa, nâng cấp thân đập, nạo vét lòng hồ thượng lưu đập; Đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất	Từ năm 2026	5.000		5.000		
8	Kênh N2-2	phòng Nông nghiệp và PTNT			Thôn An Nhơn	1052m		Từ năm 2026	2.500		2.500		
9	Kênh N2VC3	phòng Nông nghiệp và PTNT			Thôn An Hòa Nam	700m		Từ năm 2026	1.120		1.120		

[illegible]

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
									Tổng mức đầu tư	Trong đó			
										NSTW	NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
d	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo												
e	Lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch								7.633,3		7.633,3		
1	Sửa chữa, xây dựng từng rào, sân vườn nhà văn hóa Thôn An hòa Nam	Thôn An Hòa Nam			Thôn An Hòa Nam			2026	1.000		1.000		
2	Xây mới Nhà văn hóa thôn An Hòa Bắc	thôn An Hòa Bắc			thôn An Hòa Bắc			2026	1.000		1.000		
3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công					Phục vụ nhu cầu thể dục- thể thao, văn hóa- văn nghệ và du lịch trên địa bàn xã	Từ năm 2026	877,5		877,5		
4	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa Thôn Đá Sơn	Thôn Đá Sơn			Thôn Đá Sơn			Từ năm 2026	103,0		103,0		
5	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa Thôn Đá Bàn	Thôn Đá Bàn			Thôn Đá Bàn			Từ năm 2026	104,0		104,0		
6	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa Thôn 1	Thôn 1			Thôn 1			Từ năm 2026	233,5		233,5		
7	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa Thôn 2	Thôn 2			Thôn 2			Từ năm 2026	73,0		73,0		
8	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa Thôn 3	Thôn 3			Thôn 3			Từ năm 2026	70,0		70,0		
9	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa Thôn 4	Thôn 4			Thôn 4			Từ năm 2026	72,0		72,0		
10	Xây mới nhà văn hóa thôn 7	Thôn 7			Thôn 7			Từ năm 2026	1.000		1.000		
11	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa thôn 6	Thôn 6			Thôn 6			Từ năm 2026	57		57		
12	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhà văn hóa thôn 7	Thôn 7			Thôn 7			Từ năm 2026	93,3		93,3		
13	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn An Tây	Thôn An Tây			Thôn An Tây			Từ năm 2026	400,0		400,0		
14	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn An Cư	Thôn An Cư			Thôn An Cư			Từ năm 2026	400,0		400,0		
15	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn An Lạc	Thôn An Lạc			Thôn An Lạc			Từ năm 2026	400,0		400,0		
16	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn An Nhiên	Thôn An Nhiên			Thôn An Nhiên			Từ năm 2026	400,0		400,0		
17	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn An Tân	Thôn An Tân			Thôn An Tân			Từ năm 2026	400,0		400,0		
18	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn Phú Thọ 1	Thôn Phú Thọ 1			Thôn Phú Thọ 1			Từ năm 2026	400,0		400,0		
19	Tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa Thôn Phú Thọ 2	Thôn Phú Thọ 2			Thôn Phú Thọ 2			Từ năm 2026	400,0		400,0		

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
									Tổng mức đầu tư	Trong đó			
										NSTW	NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
20	Thiết chế văn hóa Nhà văn hóa thôn An Tráng	thôn An Tráng			thôn An Tráng			Từ năm 2026	150,0		150,0		
g	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị-xã hội								21.069		21.069		
1	Xây mới trụ sở làm việc UBND xã Trà Giang	Phòng Kinh tế			Thôn An Hòa Nam			2027	17.000		17.000		
2	Sửa chữa, cải tạo hội trường UBND xã Trà Giang (Nghĩa Lâm cũ)	Phòng Kinh tế			Thôn An Hòa Nam			2026	1.150		1.150		
3	Sửa chữa trụ sở UBND xã Nghĩa Lâm (cũ)	Phòng Kinh tế			Thôn 3			2026	700		700		
4	Sửa chữa, cải tạo hội trường UBND xã Trà Giang (Nghĩa Lâm cũ)	Phòng Kinh tế			Thôn 3			2026	600		600		
5	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ủy ban kiểm tra	Ủy ban kiểm tra			Thôn 3			2026	23,6		23,6		
6	Mua sắm trang thiết bị phục vụ phòng văn hóa	Phòng văn hóa			Thôn An Hòa Nam			2026	155		155		
7	Mua sắm trang thiết bị phục vụ phòng Kinh tế	Phòng Kinh tế			Thôn An Hòa Nam			2026	405		405		
8	Mua sắm trang thiết bị phục vụ Trung tâm Hành chính công	Trung tâm Hành chính công			Thôn An Hòa Nam			2026	175,67		175,67		
9	Mua sắm trang thiết bị phục vụ UBMTTQVN xã	UBMTTQVN xã			Thôn 3			2026	77,10		77,10		
10	Mua sắm trang thiết bị phục vụ Văn phòng HĐND và UBND	Văn phòng HĐND và UBND			Thôn An Hòa Nam			2026	68,00		68,00		
11	Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp xã, thời kỳ 2026 - 2030	Phòng Kinh tế						2026	615		615		
12	Kiểm kê đất đai năm 2024	Phòng Kinh tế						2025	100		100		
h	Cấp nước, thoát nước								2.000		2.000		
1	Sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Nghĩa Thọ(cũ)	Thôn Phú Thọ 1	C		Thôn Phú Thọ 1			Từ năm 2026	2.000		2.000		Nghĩa Thắng
i	Lĩnh vực Khu công nghiệp và khu kinh tế												
k	Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội												
l	Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội												
m	Hạ tầng kỹ thuật đô thị								6.700		6.700		
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/200 khu đất kêu gọi đầu tư 200ha	Phòng Kinh tế						2026	3.500		3.500		

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
									Tổng mức đầu tư	Trong đó			
										NSTW	NS tính		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Quy hoạch chung xây dựng xã Trà Giang	Phòng Kinh tế						2025-2026	1.900		1.900		
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất xã đến năm 2030	Phòng Kinh tế						2025-2026	1.300		1.300		
n	Công nghệ thông tin												
r	Lĩnh vực xã hội												
s	Phát thanh, truyền hình, thông tấn								2.000		2.000		
1	Mua sắm thiết bị máy móc	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công					Phục vụ truyền thanh, truyền hình	Từ năm 2026	2.000		2.000		